CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT
DN: CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100979011
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024.03.30 18:18:17 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.1

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	**2 - 3**
Báo cáo kiểm toán độc lập	**4 - 5**
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	**6 – 32**
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	*6 – 8*
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023	*9*
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2023	*10 – 11*
Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2023	*12 - 32*

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Group Bắc Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100979011 ngày 20 tháng 6 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11: 97.509.480.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ: Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Mã số thuế: 0 1 0 0 9 7 9 0 1 1

Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 31).

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại ngày 27/3/2024 và ngày 28/3/2024, Công ty Cổ phần Group Bắc Việt đã thu hồi toàn bộ khoản công nợ của Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt và ông Vũ Hoàng Chương.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Đặng Đức Dũng	Ủy viên
Ông Lê Quốc Hùng	Ủy viên
Ông Vũ Hoàng Chương	Ủy viên
Ông Nguyễn Đỗ Vũ	Ủy viên

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Hoàng Chương	Tổng Giám đốc
Bà Tạ Thu Hằng	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Thu Lệ	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Hạnh	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc

Vũ Hoàng Chương

Số: 2512.02/2023/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc**

Công ty Cổ phần Group Bắc Việt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Group Bắc Việt được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để chứng minh cho tính hiện hữu và tính có thật của doanh thu – giá vốn của Công ty Cổ phần Group Bắc Việt liên quan đến hoạt động môi giới bán hàng với doanh thu, giá vốn lần lượt là 2.847.310.000 đồng và 2.418.000.000 đồng. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với doanh thu và giá vốn đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Tại ngày 31/12/2023, vốn chủ sở hữu còn lại của Công ty (40,1 tỷ) phần lớn đang được cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt - bên liên quan vay dài hạn (25,4 tỷ), khoản cho vay không có tài sản bảo đảm, lãi vay trong năm đang được nhập gốc với số tiền là 2.249.264.166 đồng (chi tiết tại Thuyết minh số V.05, VI.03 và VIII.01). Tại ngày 27/3/2024, Công ty đã thu hồi gốc và lãi cho vay nêu trên với tổng số tiền là 25.930.126.729 đồng. Cũng trong ngày 27/3/2024, Công ty đã chuyển đi số tiền là

21.696.000.000 đồng để mua lại các giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt – bên liên quan của Công ty (trong đó: 8.696.000.000 đồng để mua các thỏa thuận tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng – Chi nhánh Hà Nội và 13.000.000.000 đồng để mua trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam). Đến thời điểm hiện nay, Công ty Cổ phần Group Bắc Việt và Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt đã hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng nhưng chưa hoàn thành các thủ tục về việc chuyển quyền sở hữu số trái phiếu nêu trên tại tổ chức lưu ký trái phiếu. Số tiền còn lại vẫn đang để trên tiền gửi ngân hàng.

- Như đã nêu tại Thuyết minh số V.06, tại ngày 31/12/2023, Công ty có khoản công nợ phải thu khác đối với ông Vũ Hoàng Chương – Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị số tiền là 3.755.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 3.755.000.000 đồng). Đến ngày 28/3/2024, Công ty đã thu hồi khoản công nợ này bằng tiền gửi ngân hàng.

  Việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Group Bắc Việt đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 14 tháng 3 năm 2023.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Nguyễn Thị Hồng Thanh	**Lê Mỹ Trang**
GCNĐKHNKT số: 0053-2023-124-1	GCNĐKHNKT số: 3764-2021-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**9.516.017.716**	**7.926.163.014**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**75.368.363**	**182.513.014**
1.	Tiền	111		75.368.363	182.513.014
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**V.2a**	**3.950.000.000**	**-**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.950.000.000	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**5.488.228.353**	**7.743.650.000**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	12.473.011	2.177.901.000
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.180.000	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	900.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	5.454.575.342	4.665.749.000
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**-**	**-**
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**2.421.000**	**-**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.421.000	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**30.787.618.753**	**28.641.164.102**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**25.382.203.158**	**23.232.938.992**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	25.382.203.158	23.232.938.992
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**-**	**-**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	-	-
	- Nguyên giá	*222*		*154.286.000*	*154.286.000*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(154.286.000)*	*(154.286.000)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	*225*		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	*228*		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	-
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		**-**	**-**
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**-**	**-**
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**V.2b**	**5.399.123.595**	**5.399.123.595**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.399.123.595	5.399.123.595
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**6.292.000**	**9.101.515**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	6.292.000	9.101.515
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**40.303.636.469**	**36.567.327.116**

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**159.619.158**	**284.695.687**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**159.619.158**	**284.695.687**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	-	39.846.989
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	6.000.000	97.309.540
4.	Phải trả người lao động	314		8.480.000	2.400.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	24.714.054	24.714.054
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		120.425.104	120.425.104
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		-	-
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**40.144.017.311**	**36.282.631.429**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.12**	**40.144.017.311**	**36.282.631.429**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*97.509.480.000*	*97.509.480.000*
	- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		156.827.827	156.827.827
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		150.037.319	150.037.319
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(57.672.327.835)	(61.533.713.717)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(61.533.713.717)*	*(68.298.476.599)*
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*3.861.385.882*	*6.764.762.882*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**40.303.636.469**	**36.567.327.116**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Tạ Thu Hằng	Tạ Thu Hằng	Vũ Hoàng Chương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**VI.1**	**3.203.310.000**	**3.202.100.000**
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	**02**		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**3.203.310.000**	**3.202.100.000**
4.	**Giá vốn hàng bán**	**11**	**VI.2**	2.686.600.000	2.271.030.594
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**516.710.000**	**931.069.406**
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**21**	**VI.3**	3.561.601.343	2.091.463.248
7.	**Chi phí tài chính**	**22**	**VI.4**	-	(2.639.123.595)
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8.	**Chi phí bán hàng**	**25**		-	-
9.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**26**	**VI.5**	216.821.461	299.967.862
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**3.861.489.882**	**5.361.688.387**
11.	**Thu nhập khác**	**31**	**VI.6**	-	1.403.574.495
12.	**Chi phí khác**	**32**	**VI.7**	104.000	500.000
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(104.000)**	**1.403.074.495**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**3.861.385.882**	**6.764.762.882**
15.	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**51**	**VI.8**	-	-
16.	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**52**		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**		**3.861.385.882**	**6.764.762.882**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.09**	**396**	**694**
19.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**71**	**VI.09**	**396**	**694**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Tạ Thu Hằng	Tạ Thu Hằng	Vũ Hoàng Chương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***3.861.385.882***	***6.764.762.882***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		-	-
-	Các khoản dự phòng	03		-	(2.639.123.595)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.561.601.343)	(2.091.463.248)
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***299.784.539***	***2.034.176.039***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.666.996.989	8.472.614.500
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(125.076.529)	(16.456.699.419)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		388.515	67.994.192
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***2.842.093.514***	***(5.881.914.688)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.950.000.000)	(900.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	6.600.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		761.835	72.223.260
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(2.949.238.165)***	***5.772.223.260***

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(1.232.200)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		**-**	***(1.232.200)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(107.144.651)**	**(110.923.628)**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**182.513.014**	**293.436.642**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**		**75.368.363**	**182.513.014**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Tạ Thu Hằng	Tạ Thu Hằng	Vũ Hoàng Chương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn: **Công ty Cổ phần.**

2. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Group Bắc Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100979011 ngày 20 tháng 6 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

3. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
Mã số thuế : 0 1 0 0 9 7 9 0 1 1

4. Ngành nghề kinh doanh chính trong năm:

Thương mại, dịch vụ.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC
Số liệu BCTC năm 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2022.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
Không có sự kiện hay hoạt động kinh doanh bất thường nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 02 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 02 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ KẾ TOÁN SỬ DỤNG

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

4. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau. Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Tài sản cố định	Số năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

8. Các khoản nợ phải trả

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

12. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.368.363	182.513.014
Cộng	**75.368.363**	**182.513.014**

Đơn vị tính: VNĐ

2. Đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
Đầu tư ngắn hạn	3.950.000.000	3.950.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	*3.950.000.000*	*3.950.000.000*	-	-
Cộng	**3.950.000.000**	**3.950.000.000**	-	-

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng, lãi suất từ 8,5% đến 9,4%/năm.

- *Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
- Đầu tư vào đơn vị khác	5.399.123.595	-		5.399.123.595	-	
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt (*)	*5.399.123.595*	-	*(**)*	*5.399.123.595*	-	*(**)*
Cộng	**5.399.123.595**	-		**5.399.123.595**	-	

(*) Công ty đang nắm giữ 552.000 cổ phiếu, tương đương 9,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt là gia công cơ khí, sản xuất các cấu kiện kim loại.

(**) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá tham chiếu/giá niêm yết cho khoản đầu tư tài chính dài hạn này.

Đơn vị tính: VNĐ

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thép Hoàng Đào	-	2.177.901.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	12.473.011	-
Cộng	**12.473.011**	**2.177.901.000**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dadison Hoa Kỳ	21.180.000	-
Cộng	**21.180.000**	**-**

5. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	**-**	**-**	***900.000.000***	**-**
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	-	-	900.000.000	-
b. Dài hạn	***25.382.203.158***	**-**	***23.232.938.992***	**-**
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt (*)	25.382.203.158	-	23.232.938.992	-
Cộng	**25.382.203.158**	**-**	**24.132.938.992**	**-**

(*) Khoản cho vay theo hợp đồng số 2901.2019/HĐVT/BVG-BVI ngày 01/01/2019 và Phụ lục hợp đồng số 001/BVG-BVI ngày 01/10/2020 với lãi suất 9%/năm, thời hạn cho vay 05 năm. Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm. Trong năm, lãi cho vay nhập gốc là 2.249.264.166 đồng. Tại ngày 27/3/2024, Công ty đã thu hồi gốc và lãi khoản cho vay nêu trên với tổng số tiền là 25.930.126.729 đồng. Cũng trong ngày 27/3/2024, Công ty đã chuyển đi số tiền là 21.696.000.000 đồng để mua lại các giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt – bên liên quan của Công ty (trong đó: 8.696.000.000 đồng để mua các thỏa thuận tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng – Chi nhánh Hà Nội và 13.000.000.000 đồng để mua trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam). Đến thời điểm hiện nay, Công ty Cổ phần Group Bắc Việt và Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt đã hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng nhưng chưa hoàn thành các thủ tục về việc chuyển quyền sở hữu số trái phiếu nêu trên tại tổ chức lưu ký trái phiếu. Số tiền còn lại vẫn đang để trên tiền gửi ngân hàng.

Đơn vị tính: VNĐ

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.104.000.000	-	-	-
Tạm ứng	-	-	55.645.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	388.000.000	-	388.000.000	-
Phải thu khác	3.962.575.342	-	4.222.104.000	-
+ Lãi dự thu	*207.575.342*	-	-	-
+ Ông Vũ Hoàng Chương (*)	*3.755.000.000*	-	*3.755.000.000*	-
+ Ông Nguyễn Thanh Tùng	-	-	*467.104.000*	-
Cộng	**5.454.575.342**	-	**4.665.749.000**	-

(*) Đến ngày 28/3/2024, Công ty đã thu hồi khoản công nợ này bằng tiền gửi ngân hàng.

7. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí Hosting	2.421.000	-
Cộng	**2.421.000**	-

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cước Internet	6.292.000	9.101.515
Cộng	**6.292.000**	**9.101.515**

8. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	154.286.000	154.286.000
Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	**154.286.000**	**154.286.000**
Trong đó:		
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	*154.286.000*	*154.286.000*
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	154.286.000	154.286.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số cuối năm	**154.286.000**	**154.286.000**
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Đơn vị tính: VNĐ

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	-	-	39.846.989	39.846.989
Cộng	**-**	**-**	**39.846.989**	**39.846.989**

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT đầu ra	97.309.540	297.685.524	391.155.064	3.840.000
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.640.000	6.480.000	2.160.000
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**97.309.540**	**309.325.524**	**400.635.064**	**6.000.000**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình dịch vụ như sau:

Dịch vụ tài chính	Không chịu thuế
Các dịch vụ khác	10%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Đơn vị tính: VNĐ

11. Phải trả khác

Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	***24.714.054***	***24.714.054***
Kinh phí công đoàn	24.714.054	24.714.054
Cộng	**24.714.054**	**24.714.054**

12. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	97.509.480.000	156.827.827	150.037.319	(68.298.476.599)	29.517.868.547
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	6.764.762.882	6.764.762.882
Số dư cuối năm trước	**97.509.480.000**	**156.827.827**	**150.037.319**	**(61.533.713.717)**	**36.282.631.429**
Số dư đầu năm nay	97.509.480.000	156.827.827	150.037.319	(61.533.713.717)	36.282.631.429
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	3.861.385.882	3.861.385.882
Số dư cuối năm nay	**97.509.480.000**	**156.827.827**	**150.037.319**	**(57.672.327.835)**	**40.144.017.311**

Đơn vị tính: VNĐ

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV King Invest	5.150.000.000	5,28	5.150.000.000	5,28
Các cổ đông khác	92.359.480.000	94,72	92.359.480.000	94,72
Cộng	**97.509.480.000**	**100**	**97.509.480.000**	**100**

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.750.948	9.750.948
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	*9.750.948*	*9.750.948*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	*9.750.948*	*9.750.948*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

d) Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	156.827.827	156.827.827
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	150.037.319	150.037.319
Cộng	**306.865.146**	**306.865.146**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	260.000.000	3.058.100.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.943.310.000	144.000.000
Cộng	**3.203.310.000**	**3.202.100.000**

Doanh thu với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	3.155.310.000	72.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	48.000.000	72.000.000
Cộng	**3.203.310.000**	**144.000.000**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	172.600.000	2.127.030.594
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.514.000.000	144.000.000
Cộng	**2.686.600.000**	**2.271.030.594**

Đơn vị tính: VNĐ

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay (*)	2.457.601.343	2.091.463.248
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.104.000.000	-
Cộng	**3.561.601.343**	**2.091.463.248**

(*) Trong đó: Lãi cho vay nhập gốc là 2.249.264.166 đồng.

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(2.639.123.595)
Cộng	**-**	**(2.639.123.595)**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	110.400.000	146.817.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.151.511	10.539.644
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	7.748.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.269.950	125.408.414
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	-	9.454.548
Cộng	**216.821.461**	**299.967.862**

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng PGBank – Chi nhánh Thăng Long	-	1.403.574.495
Cộng	**-**	**1.403.574.495**

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý số dư công nợ	104.000	500.000
Cộng	**104.000**	**500.000**

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.861.385.882	6.764.762.882
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	1.104.000.000	-
- Cổ tức được chia	*1.104.000.000*	-
Thu nhập chịu thuế	2.757.385.882	6.764.762.882
Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	(2.757.385.882)	(6.764.762.882)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Tổng thuế TNDN còn phải nộp	**-**	**-**

Đơn vị tính: VNĐ

Số lỗ còn được chuyển sang các năm sau là:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển các năm trước	Số lỗ được chuyển năm nay	Số lỗ còn được chuyển sang năm sau
2021	38.067.318.264	1.825.210.749	2.757.385.882	33.484.721.633

9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.861.385.882	6.764.762.882
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.861.385.882	6.764.762.882
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	9.750.948	9.750.948
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**396**	**694**

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	110.400.000	146.817.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.269.950	125.408.414
Chi phí khác	2.424.151.511	27.742.448
Cộng	**2.730.821.461**	**299.967.862**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Lãi cho vay nhập gốc: 2.249.264.166 đồng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác	***3.755.000.000***	***3.755.000.000***
Ông Vũ Hoàng Chương	3.755.000.000	3.755.000.000

Đơn vị tính: VNĐ

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Đặng Đức Dũng	Ủy viên HĐQT	-	-
Ông Lê Quốc Hùng	Ủy viên HĐQT	-	-
Ông Vũ Hoàng Chương	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Đỗ Vũ	Ủy viên	-	-
Bà Tạ Thu Hằng	Kế toán trưởng	86.400.000	-
Bà Trần Thị Thu Lệ	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Bà Đặng Thị Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Tổng		**86.400.000**	**-**

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Ông Vũ Hoàng Chương là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt đồng thời là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Group Bắc Việt
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Ông Vũ Hoàng Chương là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt đồng thời là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Group Bắc Việt

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	***1.104.000.000***	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	1.104.000.000	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	***3.203.310.000***	***144.000.000***
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	3.155.310.000	72.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	48.000.000	72.000.000
Cho vay ngắn hạn	-	***900.000.000***
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	-	900.000.000
Thu hồi gốc cho vay	***1.000.000.000***	***6.600.000.000***
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	1.000.000.000	6.600.000.000
Lãi cho vay nhập gốc	***2.249.264.166***	***2.019.239.988***
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	2.249.264.166	2.019.239.988

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	***12.473.011***	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	12.473.011	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	***900.000.000***
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	-	900.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	***25.382.203.158***	***23.232.938.992***
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	25.382.203.158	23.232.938.992
Phải thu ngắn hạn khác	***1.104.000.000***	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	1.104.000.000	-
Cộng nợ phải thu	**26.498.676.169**	**24.132.938.992**
Phải trả người bán ngắn hạn	-	***39.846.989***
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	-	39.846.989
Cộng nợ phải trả	**-**	**39.846.989**

2. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Kinh doanh thương mại;
- Dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Công ty như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Kinh doanh thương mại	Dịch vụ khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	260.000.000	2.943.310.000	3.203.310.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***260.000.000***	***2.943.310.000***	***3.203.310.000***
Chi phí bộ phận	172.600.000	2.514.000.000	2.686.600.000
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	87.400.000	429.310.000	516.710.000
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(216.821.461)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			299.888.539
Doanh thu hoạt động tài chính			3.561.601.343
Chi phí tài chính			-
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			(104.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			***3.861.385.882***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	***696.405***	***7.883.595***	***8.580.000***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	***924.442***	***10.465.073***	***11.389.515***

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Kinh doanh thương mại	Dịch vụ khác	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.944.563.501	33.333.704.605	36.278.268.106
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			4.025.368.363
Tổng tài sản	***2.944.563.501***	***33.333.704.605***	***40.303.636.469***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.181.226	36.012.828	39.194.054
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			120.425.104
Tổng nợ phải trả	***3.181.226***	***36.012.828***	***159.619.158***

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động trong năm của Công ty diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.368.363	182.513.014	75.368.363	182.513.014
Phải thu về cho vay	25.382.203.158	24.132.938.992	25.382.203.158	24.132.938.992
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.975.048.353	6.400.005.000	3.975.048.353	6.400.005.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.950.000.000	-	3.950.000.000	-
Cộng	**33.382.619.874**	**30.715.457.006**	**33.382.619.874**	**30.715.457.006**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	-	39.846.989	-	39.846.989
Các khoản phải trả khác	8.480.000	2.400.000	8.480.000	2.400.000
Cộng	**8.480.000**	**42.246.989**	**8.480.000**	**42.246.989**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.
Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	8.480.000	-	-	8.480.000
Cộng	**8.480.000**	**-**	**-**	**8.480.000**
Số đầu năm				
Phải trả người bán	39.846.989	-	-	39.846.989
Các khoản phải trả khác	2.400.000	-	-	2.400.000
Cộng	**42.246.989**	**-**	**-**	**42.246.989**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.
Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.
Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Tại ngày 27/3/2024, Công ty đã thu hồi gốc và lãi cho vay của khoản cho vay Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt với tổng số tiền là 25.930.126.729 đồng. Cũng trong ngày 27/3/2024, Công ty đã chuyển đi số tiền là 21.696.000.000 đồng để mua lại các giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt – bên liên quan của Công ty (trong đó: 8.696.000.000 đồng để mua các thỏa thuận tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng – Chi nhánh Hà

Nội và 13.000.000.000 đồng để mua trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam). Đến thời điểm hiện nay, Công ty Cổ phần Group Bắc Việt và Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt đã hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng nhưng chưa hoàn thành các thủ tục về việc chuyển quyền sở hữu số trái phiếu nêu trên tại tổ chức lưu ký trái phiếu. Số tiền còn lại vẫn đang để trên tiền gửi ngân hàng.

Tại ngày 28/3/2024, Công ty Cổ phần Group Bắc Việt đã thu hồi khoản công nợ của ông Vũ Hoàng Chương số tiền là 3.755.000.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Tạ Thu Hằng	Tạ Thu Hằng	Vũ Hoàng Chương